TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐ-ST ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/8/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang ở: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Luân Thị Nương, sinh năm 1994; địa chỉ:Xóm 11, thôn Ái, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 04/5/2023, không triệu tập chị Nương).

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn P, sinh ngày 03/02/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi cư trú cuối cùng của anh P tại Việt Nam: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Bà Đinh Thị B, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh P được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa P và có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh P làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng thống nhất cùng đi Đài Loan lao động, chị đi năm 2013, anh P đi năm 2015. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận và có con thứ hai. Năm 2019 chị về nước sinh con và chăm sóc con đến khi con chung hơn 01 tuổi, chị tiếp tục sang Đài Loan lao động. Vợ chồng đoàn tụ, chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó anh, chị sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 12/2020 đến nay chị và anh P không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị về nước sinh sống, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay cháu K, cháu G đang sinh sống cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn chị đề nghị:

- Giao cháu K cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P về Việt Nam sinh sống.

- Giao cháu G cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn P là bị đơn không có mặt tại địa P, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B đều trình bày:

Về hôn nhân: Anh P, chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà ông, bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2013 chị H đi lao động tại Đài Loan, 2015 anh P cũng sang Đài Loan lao động. Năm 2019 chị H về nước sinh con, sinh con được khoảng 01 năm chị H tiếp tục sang Đài Loan lao động và đoàn tụ cùng chồng. Nhưng được một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào ông, bà không

rõ. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay cháu K, cháu G vẫn đang sinh sống cùng ông, bà. Ông, bà đồng ý nuôi cháu K giúp anh P trong thời gian anh P lao động tại nước ngoài. Ông, bà xác định việc nuôi cháu K, Giang từ khi anh P, chị H đi lao động đến nay vừa là quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu nên ông, bà không yêu cầu anh P, chị H phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Ngoài ra ông, bà cho biết: Anh P đi lao động tại nước ngoài khi đang sinh sống cùng ông, bà tại Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh P vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông, bà đã thông báo cho anh P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H, anh P. Anh P cho biết: anh đồng ý ly hôn chị H và nhất trí nuôi con như chị H yêu cầu nhưng anh P không cung cấp cho địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Vũ Kim K trình bày: Hai chị em cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và ông, bà nội.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H; biên bản lấy lời khai của ông Bồi, bà Bài là bố mẹ đẻ anh Vũ Văn P và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn P.

Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Hương G cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 cho anh P nuôi dưỡng. Do anh P hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên tạm giao cho ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B nuôi dưỡng cháu K cho đến khi anh P về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh P và đề nghị giải quyết nuôi con, anh P hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo Công văn số 13066/QLXNC-P5 ngày 30/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Vũ Văn P, sinh ngày 03/02/1987 đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 25/5/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. anh P là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam là ở Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do vụ án có bị đơn ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Về việc vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B: chị H, ông B, bà B đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, ông Bồi, bà Bài.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông B, bà B là bố mẹ đẻ anh P, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh P trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh P thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và bị đơn là anh Vũ Văn P. Gia đình anh P cho biết anh P vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh P không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh P tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ

chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn anh Vũ Văn P.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh P chung sống hòa thuận có 01 con chung. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh, chị cùng sang Đài Loan lao động, chị H đi năm 2013, anh P đi năm 2015. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận và có thai con thứ hai, chị H về nước sinh con năm 2019, chị ở nhà chăm sóc con khoảng hơn 01 tuổi thì tiếp tục sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ đó anh, chị sống ly thân nhau. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn tiếp tục về chung sống nhưng không được. Chị H xác định từ tháng 12/2020 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh P không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh P là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H, anh P có 02 con chung là cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông B, bà B. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu Giang cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu K cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông B, bà B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống, cháu K có nguyện vọng được ở cùng bố và ông, bà nội. Ông B, bà B (là ông bà nội của cháu K) trình bầy đồng ý nuôi dưỡng cháu K trong thời gian anh P con trai ông, bà lao động ở nước ngoài.

Xét yêu cầu giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Đối với yêu cầu giao con chung cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019 cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp vì hiện tại chị H đã về Việt Nam có thể trực tiếp chăm sóc con chung. Mặt khác, cháu G sinh năm 2019 còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn; Đối với yêu cầu giao con chung cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 cho anh P nuôi dưỡng, do anh P không ở Việt Nam nên chị đề nghị tạm giao cháu K cho ông B, bà B (bố mẹ đẻ anh P) nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài. Hội đồng xét xử thấy mặc dù anh P

không ở Việt Nam, không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Tuy nhiên, cháu K ở với ông B, bà B từ nhỏ và được ông B, bà B chăm sóc chu đáo, cháu K có nguyện vọng ở cùng bố và ông B, bà B (ông B, bà B đồng ý nuôi dưỡng cháu K). Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 104 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung sau khi ly hôn của chị H. Giao con chung cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019 cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 cho anh P nuôi dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật, nhưng tạm giao cháu K cho ông Vũ Văn B và bà Đinh Thị B nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn anh Vũ Văn P, chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh P, chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Văn P vì quyền lợi chính đáng của con chung, có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Vũ Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273,

khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Kim K, sinh ngày 14/8/2011 cho anh Vũ Văn P nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Vũ Kim K cho ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B nuôi dưỡng trong thời anh P ở nước ngoài.

Giao cháu Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 03/5/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H, anh Vũ Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh P, chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000086 ngày 05/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn B, bà Đinh Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu H